

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở đăng ký: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: *Nam Dinh Industrial College*

Thuộc: *Bộ Công thương*

Địa chỉ trụ sở chính: *Km6, quốc lộ 10, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định*

Điện thoại: *0228.3849.581;*

Fax: *0228.3843.051;*

Website: *www.cnd.edu.vn;*

Email: *cnd@cnd.edu.vn*

Địa chỉ địa điểm đào tạo khác:

Liên kết đào tạo tại:

- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hải Hậu (Xóm 9, xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định);*
- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Xuân Trường (Tổ 18, thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định);*
- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Quỳnh Phụ (Khu 3B, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình);*
- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Yên Mô (Xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình);*
- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hoa Lư (Phố Thiên Sơn, thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình);*
- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vũ Thư (Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình);*
- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Yên Khánh (Xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình);*
- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Kim Sơn (Xóm 4, xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình);*



- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Quảng Xương
(Thị trấn Quảng Xương, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa).

Quyết định thành lập trường số: 1339/QĐ-BGD&ĐT

Ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp: Ngày 30/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

a) Tại trụ sở chính: Km6, quốc lộ 10, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Quản trị kinh doanh	6340404	20	Cao đẳng
2	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	5340101	100	Trung cấp
3	Quản lý và bán hàng siêu thị	5340424	30	Trung cấp
4	Tài chính - Ngân hàng	6340202	20	Cao đẳng
5	Kế toán	6340301	40	Cao đẳng
6	Kế toán doanh nghiệp	6340302	50	Cao đẳng
		5340302	60	Trung cấp
			20	Sơ cấp
7	Kế toán hành chính sự nghiệp	5340307	30	Trung cấp
8	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	25	Cao đẳng
		5480102	20	Trung cấp
9	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	30	Cao đẳng
10	Công nghệ thông tin	6480201	30	Cao đẳng
11	Tin học ứng dụng	6480205	10	Cao đẳng
12	Tin học văn phòng	5480203	60	Trung cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
13	Quản trị cơ sở dữ liệu	6480208	20	Cao đẳng
14	Quản trị mạng máy tính	6480209	20	Cao đẳng
15	Thiết kế đồ họa		20	Sơ cấp
16	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	90	Cao đẳng
17	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy	6510213	25	Cao đẳng
		5510213	20	Trung cấp
18	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	30	Cao đẳng
19	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	6510211	30	Cao đẳng
		5510211	50	Trung cấp
20	Công nghệ ô tô	6510216	90	Cao đẳng
		5510216	20	Trung cấp
			60	Sơ cấp
21	Công nghệ kỹ thuật môi trường	6510421	30	Cao đẳng
22	Nguội sửa chữa máy công cụ	6520126	20	Cao đẳng
23	Nguội lắp ráp cơ khí	6520127	25	Cao đẳng
		5520127	20	Trung cấp
24	Cắt gọt kim loại	6520121	25	Cao đẳng
		5520121	20	Trung cấp
			20	Sơ cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
25	Hàn	6520123	25	Cao đẳng
		5520123	20	Trung cấp
			60	Sơ cấp
26	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ	5520103	20	Trung cấp
27	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	30	Cao đẳng
28	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	50	Cao đẳng
		5510303	30	Trung cấp
29	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	30	Cao đẳng
30	Điện tử công nghiệp	6520225	25	Cao đẳng
		5520225	20	Trung cấp
31	Điện công nghiệp	6520227	50	Cao đẳng
		5520227	20	Trung cấp
			20	Sơ cấp
32	Điện tử công nghiệp và dân dụng	5520222	30	Trung cấp
33	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	70	Trung cấp
34	Điện dân dụng		60	Sơ cấp
35	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí		60	Sơ cấp
36	Công nghệ may	6540204	20	Cao đẳng
		5540204	60	Trung cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
37	May thời trang	6540205	50	Cao đẳng
		5540205	20	Trung cấp
38	May công nghiệp		190	Sơ cấp
39	Thiết kế thời trang	6540206	50	Cao đẳng
40	Sửa chữa thiết bị may	5520133	20	Trung cấp
			50	Sơ cấp

b) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (Xóm 9, xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định)

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	May thời trang	5540205	30	Trung cấp
2	Điện công nghiệp	5520227	30	Trung cấp
3	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	5510211	40	Trung cấp

c) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định (Tổ 18, thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định)

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	May thời trang	5540205	30	Trung cấp
2	Tin học văn phòng	5480203	30	Trung cấp



d) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (Khu 3B, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Sửa chữa thiết bị may	5520133	30	Trung cấp
2	May thời trang	5540205	60	Trung cấp
3	Điện công nghiệp	5520227	30	Trung cấp

đ) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (Xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	May thời trang	5540205	40	Trung cấp
2	Công nghệ may	5540204	30	Trung cấp

e) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (Phố Thiên Sơn, thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Sửa chữa thiết bị may	5520133	30	Trung cấp
2	May thời trang	5540205	30	Trung cấp

g) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vũ Thư (Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
41	Công nghệ may	5540204	40	Trung cấp

h) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Yên Khánh (Xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ may	5540204	35	Trung cấp

i) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Kim Sơn (Xóm 4, xã Thượng Kiệt, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Tin học văn phòng	5480203	25	Trung cấp
2	Sửa chữa thiết bị may	5520133	25	Trung cấp

k) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Quảng Xương (Thị trấn Quảng Xương, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Kế toán doanh nghiệp	5340302	60	Trung cấp
2	Tin học văn phòng	5480203	60	Trung cấp

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 74/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/6/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 74a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 21/8/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 74b/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 09/12/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Yêu cầu Nhà trường công khai các điều kiện bảo đảm tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn tại Công văn số 1857/TCGDNN-PCTT ngày 17/8/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và cung cấp các thông tin về cấp bằng tốt nghiệp trên hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến về cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp tại Trang thông tin tra cứu văn bằng giáo dục nghề nghiệp tại địa chỉ: <http://vanbang.gdnn.gov.vn> theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số

24/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng./.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Việt Hương

Ghi chú:

1. Quy mô tuyển sinh/năm của các nghề đào tạo trình độ sơ cấp được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp này là quy mô tối đa Nhà trường được tuyển sinh và tổ chức đào tạo trong năm.
2. Nhà trường chỉ được tuyển sinh, tổ chức đào tạo đối với các ngành, nghề được cấp tại 03 địa điểm liên kết đào tạo (b, c-1, d-1) trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp này kể từ ngày 06/3/2020, tại 04 địa điểm liên kết đào tạo (c-2, d-2-3, đ, e) trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp này kể từ ngày 29/6/2020, tại 04 địa điểm liên kết đào tạo (g, h, i, k) trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp này kể từ ngày 09/12/2020.
3. Kết thúc đợt tuyển sinh năm 2022, nếu có nhu cầu tiếp tục tuyển sinh năm tiếp theo tại 09 địa điểm liên kết đào tạo (b, c, d, đ, e, g, h, i, k) được cấp trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp này, đề nghị Nhà trường báo cáo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xem xét, quyết định./.